



qiáng shàng

墙上

noun phrase · on the wall

Example Sentences

qiáng shàng guà zhe yī fú huà
墙上挂着一幅画。

There is a painting hanging on the wall.

tā zài qiáng shàng xiě le yī gè zì
他在墙上写了一个字。

He wrote a character on the wall.

Trace each character, then write the word on your own.

墙	墙	墙	墙	墙	墙	墙	墙	墙	墙	墙
墙	墙	墙	墙	墙	墙					
上	上	上	上	上	上					